

UBND XÃ HIỂN KHÁNH  
TRƯỜNG MN HIỂN KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 120/QĐ- MNHK

Hiển Khánh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Mầm Non Hiển Khánh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 1322/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Hiển Khánh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài chính - Kế toán;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Mầm Non Hiển Khánh (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và công khai trên trang Website của nhà trường.

**Điều 3.** Bộ phận hành chính, kế toán và các bộ phận có liên quan trong đơn vị Trường Mầm Non Hiển Khánh tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận TCKT
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
  
Trần Thị Hát

Đơn vị: Trường Mầm non Hiền Khánh

Chương: 622

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- MNHK ngày 26/12/2025 của Trường mầm non Hiền Khánh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao  |
|------------|----------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                  |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                    |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                    |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                    |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                    |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                    |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                    |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                    |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                    |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                    |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                    |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                    |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>436.082.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>436.082.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                    |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                    |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                    |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                    |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                    |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                    |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                    |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>436.082.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 60.962.000         |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 375.120.000        |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                    |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |                    |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |                    |

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Hạt